

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HC-ST
Ngày 29 - 11 - 2019
V/v Yêu cầu huỷ quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Dung

Ông Phùng Đình Chúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đào Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST- HC ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc “Yêu cầu huỷ quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST - HC ngày 10 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1972, (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lâm Quang N, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc là đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/6/2019), (Có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc;

Địa chỉ: Khu Y, thị trấn C, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:

2.1. Ông Nguyễn Tuấn A – Chức vụ: Phó Chủ tịch là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện tham gia từ ngày 10/6/2019 đến ngày 20/11/2019 (Theo giấy ủy quyền số 723/GUQ-UBND ngày 10/6/2019).

2.2. Bà Nguyễn Thị Hồng U – Chức vụ: Phó Chủ tịch là người đại diện

theo ủy quyền của người bị kiện tham gia từ ngày 20/11/2019 đến nay (Theo giấy ủy quyền số 1797 /GUQ-UBND ngày 20/11/2019), (Có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;

Địa chỉ: Phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Văn G – Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc, là đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền số 9509/UBND-NN5 ngày 28/11/2019), (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện B;

Địa chỉ: Khu Y, thị trấn C, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Thành O, sinh năm 1976 – Chức vụ: Phó Giám đốc, là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 219/GUQ-QLDA ĐTXD ngày 08/8/2019), (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2018 của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Tuyết M và những lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Lâm Quang N trình bày:

Năm 2001, bà M vào làm việc hợp đồng tại đội H - Nông R D (nay là Công ty TNHH Y, viết tắt là Công ty Y). Năm 2004, bà M trở thành công nhân chính thức, từ năm 2001 và những năm tiếp theo bà M nhận giao khoán của Công ty Y, tổng diện tích là 13.944,4m² đất nông nghiệp để canh tác. Năm 2012, bà M xin thôi việc và chuyển sang công tác trong ngành giáo dục nhưng vẫn nhận đất khoán của Công ty để trực tiếp sản xuất.

Năm 2015, nhà nước triển khai xây dựng dự án Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bà M nhận khoán từ Công ty nằm trong quy hoạch xây dựng nên bị thu hồi. Ngày 27/7/2016, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định số 2388/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của Công ty Y. Ban đền bù giải phóng mặt bằng huyện B đã tiến hành chi trả các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà M. Tuy nhiên, sau khi so sánh, đối chiếu quy định pháp luật các khoản bồi thường hỗ trợ vẫn còn thiếu. Bà M đã làm đơn đề nghị Chủ tịch UBND huyện B chi trả cho bà M tiền thưởng bàn giao mặt bằng nhanh do hộ gia đình bà M có nhà ở chính thực hiện di chuyển nhà ở và tự lo chỗ ở tạm để nhanh chóng bàn giao mặt bằng cho nhà đầu tư và tiền hỗ trợ cho đối tượng là công nhân đã thôi việc có nhận khoán đất của công ty chưa được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm nhưng không được chấp thuận.

Hành vi không chấp thuận khoản tiền thưởng bàn giao mặt bằng nhanh và khoản tiền hỗ trợ cho đối tượng là công nhân đã thôi việc có nhận khoán đất của công ty chưa được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại Văn bản số 1401/UBND-GPMB ngày 28/11/2017 của UBND huyện B trả lời cho bà là trái quy định của pháp luật, bởi các căn cứ sau:

Về hành vi không chấp thuận khoản tiền thưởng bàn giao mặt bằng nhanh là không đúng với Tờ trình số 313/TTr-UBND ngày 22/11/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc; văn bản số 582 ngày 06/12/2016 của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc; văn bản số 9243/UBND-NN2 ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc hỗ trợ kinh phí giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc, các văn bản trên đã đồng ý hỗ trợ kinh phí cho các hộ gia đình có nhà ở chính thực hiện di chuyển nhà ở và tự lo chỗ ở tạm để nhanh chóng bàn giao mặt bằng cho nhà đầu tư. Bởi, gia đình bà M đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được hưởng khoản tiền thưởng bàn giao mặt bằng, như: Gia đình bà M chỉ có một nhà ở chính và duy nhất là ngôi nhà mượn của Công ty Y từ năm 2007 cho đến khi thu hồi đất (có đăng ký sổ hộ khẩu); ngay sau khi nhận tiền bồi thường chi phí cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà, công trình, gia đình bà M đã di dời đến thuê chỗ ở mới tại thôn E, thị trấn K, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc và bàn giao lại mặt bằng cho chủ đầu tư (không quá thời gian mà UBND tỉnh đã quy định hộ gia đình, cá nhân nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và giao đất cho dự án); việc di dời sau ngày 30/4/2017 do chưa được xem xét giải quyết bồi thường, việc này không xuất phát từ lỗi chủ quan của gia đình bà M.

Lý do từ chối chi trả của UBND huyện B là không có cơ sở bởi trong các văn bản trước đó không quy định thêm điều kiện hộ gia đình phải có đất ở bị thu hồi.

Ngoài ra, ở H xã T có 11 hộ gia đình thuộc diện được hỗ trợ kinh phí do có nhà ở chính thực hiện di chuyển nhà ở và tự lo chỗ ở tạm để nhanh chóng bàn giao mặt bằng cho nhà đầu tư theo tờ trình số 1251 UBND-GPMB ngày 09/11/2016 của UBND huyện B; trong số những hộ đã được hỗ trợ này có hộ ông R cũng không có đất ở bị thu hồi.

Về hành vi không chấp thuận khoản tiền hỗ trợ cho đối tượng là công nhân đã thôi việc có nhận khoán đất của công ty chưa được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (hỗ trợ thêm cho hộ gia đình một khoản tiền để đảm bảo đời sống): Theo quy định tại Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất: Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 của Nghị định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi. Đồng

thời tại văn bản số 6754/UBND-NN2 ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc (đồng ý với Văn bản số 1933/STNMT-CCQLĐĐ ngày 22/9/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận đề nghị hỗ trợ thêm cho các hộ một khoản tiền để đảm bảo đời sống quy định: Đối tượng được hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất của công ty Y (hỗ trợ 60.000 đồng/m²) là cán bộ, công nhân viên của nông lâm trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp có nhận khoán đất của công ty. Diện tích đất tính hỗ trợ là phần đất nhận khoán, chưa được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, nhưng không vượt quá giới hạn giao đất tại địa phương. Đối chiếu với quy định pháp luật trên, bà M cho rằng hành vi của Ban đền bù giải phóng mặt bằng trong việc không chấp nhận khoản tiền hỗ trợ cho gia đình bà M là trái quy định pháp luật, bởi vì:

Thứ nhất: Gia đình bà M đã đáp ứng đầy đủ điều kiện để được hưởng tiền hỗ trợ: Bà M là công nhân chính thức, trực tiếp nhận ruộng sản xuất tại đội H từ năm 2004 đến năm 2012 thì được thôi việc có hưởng trợ cấp; trước và sau khi chuyển công tác, bà M liên tục nhận khoán ruộng của Công ty để trực tiếp sản xuất và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính (diện tích nhận khoán là 13.944,8m²); diện tích đất trong hạn mức giao đất được Ban đền bù giải phóng mặt bằng công nhận là 12.628,5m², trong đó diện tích đã được hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm là 8.419m² (theo thông báo số 50/TB-GPMB ngày 25/7/2016 của Ban đền bù GPMB); diện tích chưa được hỗ trợ là 4.209,5m².

Thứ hai: Theo đơn đề nghị ngày 11/8/2017, bà M đề nghị xem xét khoản hỗ trợ cho đối tượng là chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Đây là khoản tiền hỗ trợ thêm để đảm bảo đời sống, được chi trả cho phần đất trong hạn mức nhưng không được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, nhưng UBND huyện B lại cố tình trả lời cho bà M nội dung khác về chế độ hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (bà M không đề nghị hỗ trợ khoản này).

Thứ ba: Văn bản số 6754/UBND-NN2 ngày 27/6/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc chỉ quy định trường hợp là công nhân viên của nông lâm trường quốc doanh, đã thôi việc được hưởng trợ cấp và có nhận khoán đất của công ty là đủ điều kiện được hưởng hỗ trợ. Văn bản trên không loại trừ việc bà M đã có việc làm khác thì không được hưởng hỗ trợ.

Mâu thuẫn giữa Thông báo số 50 ngày 25/7/2016 và Thông báo số 28 ngày 03/5/2017 của UBND huyện B – Ban đền bù Giải phóng mặt bằng, bởi Thông báo số 28 không tính theo nhân khẩu mà trả trên diện tích đất nhận khoán bị thu hồi.

Căn cứ vào công văn số 1933 ngày 22/9/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc thì bà M thuộc đối tượng được hỗ trợ nhưng tại Thông báo số 50 và nhiều lần bà M có đơn đề nghị, đơn khiếu nại mà vẫn chưa được

giải quyết số tiền hỗ trợ. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết: Tuyên bố hành vi của UBND huyện B là trái quy định của pháp luật trong việc không chấp thuận khoản tiền hỗ trợ cho đối tượng là công nhân đã thôi việc có nhận khoán đất của công ty chưa được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Buộc UBND huyện cùng Ban đền bù giải phóng mặt bằng huyện B chi trả cho bà M số tiền: 352.570.000đ, gồm: Tiền thưởng bàn giao mặt bằng nhanh 100.000.000đ; tiền hỗ trợ cho đối tượng là công nhân đã thôi việc có nhận khoán đất của Công ty Y chưa được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (hỗ trợ thêm cho hộ gia đình một khoản tiền để đảm bảo đời sống) số tiền: $4.209,5\text{m}^2 \times 60.000 \text{ đ}/01\text{m}^2 = 252.570.000\text{đ}$.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND huyện B là ông Nguyễn Tuấn A và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hồng U trình bày:

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ nằm trong phạm vi thu hồi đất thực hiện giải phóng mặt bằng cho dự án Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc phải di chuyển, ổn định đời sống, khắc phục khó khăn khi ra khu tái định cư mới, UBND huyện B đã có văn bản số 1251/UBND-GPMB ngày 09/01/2016 về việc đề nghị hỗ trợ kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng, được UBND tỉnh Vĩnh Phúc đồng ý tại văn bản số 9243/UBND-NN2 ngày 20/12/2016. Sau đó, UBND huyện B có văn bản số 28/UBND-GPMB ngày 11/01/2017 về phương án thực hiện hỗ trợ kinh phí giải phóng mặt bằng dự án Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc, nội dung thể hiện rõ: “Đối tượng được hỗ trợ: Hộ gia đình bị thu hồi đất ở nằm trong khuôn viên thu hồi đất 213ha để thực hiện dự án Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc, có nhà ở chính phải tháo dỡ, di chuyển và phải tự lo chỗ ở tạm. Điều kiện được hỗ trợ: Đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; đã tháo dỡ nhà chính, tài sản, vật kiến trúc, cây cối trên đất; đã có biên bản bàn giao mặt bằng sạch được Ban đền bù – giải phóng mặt bằng huyện và UBND xã xác nhận...”. Căn cứ các quy định, đối chiếu với trường hợp hộ bà Nguyễn Thị Tuyết M không thuộc đối tượng được hưởng khoản tiền bàn giao mặt bằng nhanh, với lý do:

Thứ nhất: Hộ bà M không có nhà ở chính vì ngôi nhà hiện tại bà M đang ở, sử dụng là nhà tập thể của Công ty Y cho hộ bà M mượn để ở (hộ bà M có đơn xin sửa chữa nhà tập thể ghi ngày 15/4/2007 được đội trưởng đội sản xuất H xác nhận; đơn xin xác nhận nhà ở ngày 7/10/2013 được Ban giám đốc Công ty Y xác nhận). Giá trị tài sản của ngôi nhà đã được Nhà nước bồi thường cho công ty Y theo quy định, hộ bà M chỉ được bồi thường phần tài sản mà bà M đã cải tạo, sửa chữa.

Thứ hai: Hộ bà M không có đất ở bị thu hồi vì ngôi nhà bà M đang ở là mượn của Công ty Y để ở, nằm trên đất được nhà nước giao cho Công ty Y quản lý sử dụng và đã được nhà nước thu hồi tại Quyết định 2387/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc thu hồi đất của Công ty Y, để thực

hiện giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc, vì vậy, bà M không được giao đất tái định cư.

Nội dung bà M đề nghị được hưởng khoản tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, UBND huyện B có quan điểm:

Theo quy định tại Điều 20 Nghị định số: 47/2014/NĐ-Cp ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 15 của Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc, khoản 5 Điều 1 Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc, thì: “Các trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp thì không được hưởng hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm”.

Tuy vậy, dự án Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc là một dự án đặc biệt quan trọng của tỉnh Vĩnh Phúc. Để đảm bảo tiến độ bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư theo đúng cam kết, không để các hộ dân làm phức tạp tình hình, cản trở thi công của chủ nhà đầu tư. UBND huyện B đã có văn bản số 661/UBND-GPMB ngày 06/7/2016 đề nghị cho cán bộ công nhân viên thuộc Nông trường D cũ (nay là Công ty TNHH Đầu tư sản xuất phát triển Nông nghiệp Y) đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp có nhận khoán đất của Công ty. Mức hỗ trợ = 60.000đ/m²; Diện tích đất được hỗ trợ: Theo diện tích đất của hộ gia đình được nhận khoán chưa được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, nhưng không được vượt quá hạn mức giao đất tại địa phương 2ha và đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc đồng ý tại Văn bản số 6754/UBND-NN2 ngày 27/9/2016.

Sau khi xem xét hồ sơ tài liệu liên quan, đối chiếu với chính sách quy định hiện hành, UBND huyện B thấy rằng: Tại Quyết định số 05/QĐ-NT ngày 25/5/2004 của Giám đốc Nông trường D đã tuyển dụng lao động dài hạn đối với bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 20/4/1972, thời gian thử việc 06 tháng kể từ ngày 01/6/2004 đến ngày 01/12/2004. Đến năm 2012, UBND huyện B có Quyết định số 663/QĐ-CT ngày 05/3/2012 về việc tuyển dụng và bố trí công tác giáo viên mầm non hợp đồng, theo đó, đã bổ nhiệm và bố trí công tác bà Nguyễn Thị Tuyết M đến nhận công tác tại Trường Mầm non Nông trường D, tiền lương được xếp vào mã ngạch 15.115; Bạc 1; Hệ số 1,86; thời gian thử việc 06 tháng kể từ ngày 05/3/2012; trong thời gian thử việc được hưởng 85% hệ số lương.

Tại quyết định số 64/QĐ-CTNCNTĐ ngày 27/3/2012 của Chủ tịch – Giám đốc Công ty TNHH MTV Nông – Công nghiệp D đã chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Thị Tuyết M kể từ ngày 01/3/2012, với lý do: theo nguyện vọng cá nhân.

Tại thời điểm thu hồi đất (theo Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc), bà M được UBND huyện B quyết định

bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp viên chức sự nghiệp giáo dục mầm non năm 2016 (theo Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 04/5/2016 của UBND huyện B). Theo đó, bổ nhiệm và xếp lương cho bà Nguyễn Thị Tuyết M là giáo viên hạng II; Mã số V.07.02.04; bậc 2; Hệ số 2,67; thời gian hưởng từ tháng 3/2016.

Căn cứ hồ sơ nêu trên cho thấy, sau khi chấm dứt hợp đồng lao động tại Công ty TNHH MTV Nông – Công nghiệp D theo nguyện vọng cá nhân, bà M đã được tuyển dụng và bố trí công tác tại Trường Mầm non Nông trường D và được hưởng lương từ ngân sách nhà nước, bà M không thuộc đối tượng nghỉ thôi việc, cũng không được hưởng trợ cấp thôi việc.

Tuy vậy, sau khi nhận được nhiều lượt đơn đề nghị của bà Mai, UBND huyện B đã tiếp thu ý kiến đề nghị và đã có Văn bản số 942/UBND-GPMB ngày 24/8/2017, báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết theo đề nghị hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo đề nghị của bà M cùng với 03 trường hợp tương tự khi thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc. UBND tỉnh đã giao Sở tài nguyên và Môi trường chủ trì cùng các sở, ngành liên quan xem xét giải quyết báo cáo UBND tỉnh. Tại hội nghị ngày 01/9/2017, các sở, ngành của tỉnh đã nghiên cứu, xem xét, bàn bạc, thống nhất báo cáo UBND tỉnh như sau:

Căn cứ Điều 6 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định: “Cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) không thuộc đối tượng quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật, khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường về đất nhưng không được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, không được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm”.

Tại văn bản số 6754/UBND-NN2 ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí cho các hộ đã nghỉ hưu, khi thu hồi diện tích đất nhận khoán của Công ty Y để thực hiện dự án Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc cho phép: “Đối tượng hỗ trợ là cán bộ, công nhân viên thuộc Nông trường D cũ (nay là Công ty TNHH Y) đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp có nhận khoán đất của công ty”

Đối chiếu với quy định trên thì hộ bà Nguyễn Thị Tuyết M và 03 trường hợp tương tự không thuộc đối tượng được hưởng khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Tại Văn bản số 166/TB-UBND, ngày 04/11/2017 của UBND tỉnh Thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc tại cuộc họp nghe các sở, ngành và UBND huyện B báo cáo đề xuất giải quyết vướng mắc trong công tác

giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc đã kết luận: đồng ý với đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường, không đồng ý hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ bà Nguyễn Thị Tuyết M và 03 hộ tương tự.

Như vậy, bà M không thuộc đối tượng được hưởng chế độ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. UBND huyện B đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bà M cho rằng có sự mâu thuẫn giữa Thông báo số 50 ngày 25/7/2016 và Thông báo số 28 ngày 03/5/2017 của UBND huyện Bình về việc tính nhân khẩu trên diện tích đất nhận khoán. Tuy nhiên, Thông báo số 50 là thực hiện đối với dự án Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc, còn Thông báo số 28 là thực hiện của dự án đường J chạy xung quanh khu Công nghiệp Z. Khi ban hành Thông báo số 50 là ban hành trên cơ sở Văn bản 117 ngày 19/01/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về cách tính nhân khẩu, UBND huyện B khẳng định việc ban hành Thông báo số 50 cũng như văn bản trả lời của UBND huyện B là đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc là ông Hoàng Văn G trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của người đại diện hợp pháp của người bị kiện. Đối với yêu cầu của bà M không thuộc đối tượng hỗ trợ khác theo Văn bản số 6754/UBND-NN2 ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí cho các hộ đã nghỉ hưu, khi thu hồi diện tích đất nhận khoán của Công ty Y để thực hiện dự án Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc, đồng thời đã được Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc kết luận theo văn bản số 166/TB-UBND, ngày 04/11/2017 của UBND tỉnh Thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện B ông Phan Thành O trình bày: Thông nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã đảm bảo đúng trình tự, thủ tục từ khi thụ lý đến tại phiên tòa sơ thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M; buộc bà M phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 28/11/2017, Ủy ban nhân dân (viết tắt là: UBND) huyện B ban hành Văn bản số 1401/UBND-GPMB, về việc trả lời đơn đề nghị của công dân gửi bà Nguyễn Thị Tuyết M ở Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (viết tắt là: Văn bản số 1401 ngày 28/11/2017). Văn bản số 1401 ngày 28/11/2017 có nội dung: Hộ bà Nguyễn Thị Tuyết M không thuộc đối tượng được hỗ trợ tiền thưởng bàn giao mặt bằng nhanh; không thuộc đối tượng được hỗ trợ kinh phí di chuyển; không thuộc đối tượng được hưởng khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nhận khoán của Nông trường D để thực hiện dự án Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc.

Ngày 14/9/2018, Tòa án nhân dân (viết tắt là: TAND) tỉnh Vĩnh Phúc nhận được đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2018 của bà M, đề nghị: Tuyên bố hành vi của UBND huyện B là trái quy định của pháp luật trong việc không chấp thuận khoản tiền hỗ trợ cho đối tượng là công nhân đã thôi việc có nhận khoán đất của công ty chưa được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Hỗ trợ thêm cho gia đình bà M một khoản tiền để đảm bảo đời sống); buộc UBND huyện cùng Ban đền bù giải phóng mặt bằng huyện B chi trả cho bà M số tiền 352.570.000đ, gồm: Tiền thưởng bàn giao mặt bằng nhanh 100.000.000đ; tiền hỗ trợ cho đối tượng là công nhân đã thôi việc có nhận khoán đất của Công ty Y chưa được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (hỗ trợ thêm cho hộ gia đình một khoản tiền để đảm bảo đời sống) 252.570.000đ.

Ngày 21/9/2018 và ngày 22/10/2018, TAND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện gửi bà M, cụ thể yêu cầu bà M nộp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung khởi kiện và đề nghị sửa đổi nội dung khởi kiện theo hướng khởi kiện Quyết định hành chính mà bà M cho rằng Quyết định đó làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M.

Ngày 06/11/2018, TAND tỉnh Vĩnh Phúc nhận được đơn đề nghị của bà M với nội dung: Không đồng ý sửa đổi nội dung khởi kiện. Cùng ngày, TAND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 24/TB-TA ngày 06/11/2018 cho bà Mai.

Ngày 30/11/2018, TAND tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 05/2018/QĐGQKN với nội dung giữ nguyên Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 24/TB-TA ngày 06/11/2018.

Ngày 10/01/2019, TAND cấp cao tại Hà Nội ra Quyết định giải quyết khiếu nại về việc trả lại đơn khởi kiện số 03/2019/QĐ-HC với nội dung yêu cầu

TAND tỉnh Vĩnh Phúc nhận lại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của bà M để tiến hành thụ lý vụ án, với lý do: Nội dung yêu cầu khởi kiện của bà M được thể hiện tại Văn bản số 1401 ngày 28/11/2017 là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính; việc xác định hành vi hành chính hay quyết định hành chính thuộc trách nhiệm của Tòa án để thụ lý giải quyết vụ án.

TAND tỉnh Vĩnh Phúc đã nhận lại đơn khởi kiện của bà M, tiến hành thụ lý vụ án và xác định đối tượng khởi kiện là quyết định hành chính, cụ thể là Văn bản số 1401 ngày 28/11/2017 của UBND huyện B. Văn bản số 1401 ngày 28/11/2017 là văn bản giải quyết trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính, nằm trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nội dung bà Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu tuyên bố hành vi của UBND huyện B là trái quy định của pháp luật trong việc không chấp thuận khoản tiền hỗ trợ cho đối tượng là công nhân đã thôi việc có nhận khoán đất của công ty chưa được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Hỗ trợ thêm cho gia đình bà M một khoản tiền để đảm bảo đời sống); buộc UBND huyện B cùng Ban đền bù giải phóng mặt bằng huyện chi trả số tiền 252.570.000đ theo quy định tại Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi (viết tắt là Nghị định 47) và văn bản số 6754/UBND-NN2 ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 25/5/2004, Giám đốc Nông trường D (sau này là Công ty TNHH MTV Nông – Công nghiệp D; Công ty TNHH Y: Viết tắt là Công ty Y) ban hành Quyết định số 05/QĐ-NT về việc tuyển dụng lao động dài hạn đối với bà Nguyễn Thị Tuyết M với thời gian thử việc 06 tháng, kể từ ngày 01/6/2004 đến ngày 01/12/2004.

Ngày 20/2/2012, bà Nguyễn Thị Tuyết M có đơn xin chấm dứt Hợp đồng lao động gửi Công ty TNHH MTV Nông – Công nghiệp D.

Ngày 05/3/2012, UBND huyện B ban hành Quyết định số 663/QĐ-CT về việc tuyển dụng và bố trí công tác giáo viên mầm non hợp đồng. Theo đó, đã bổ nhiệm và bố trí công tác bà Nguyễn Thị Tuyết M đến nhận công tác tại Trường Mầm non Nông trường D, tiền lương được xếp vào mã ngạch 15.115; bậc 1; hệ số 1,86; thời gian thử việc 06 tháng kể từ ngày 05/3/2012; trong thời gian thử việc được hưởng 85% hệ số lương.

Ngày 27/3/2012, Chủ tịch – Giám đốc Công ty TNHH MTV Nông – Công nghiệp D ban hành Quyết định số 64/QĐ-CTNCNTĐ về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Thị Tuyết M kể từ ngày 01/3/2012. Lý do chấm dứt hợp đồng: Theo nguyện vọng cá nhân.

Ngày 04/5/2016, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1105/QĐ-UBND về việc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức sự nghiệp giáo dục mầm non năm 2016, theo quyết định, bà M được bổ nhiệm và xếp lương là giáo viên hạng II; Mã số V.07.02.04; bậc 2; hệ số 2,67; thời gian hưởng từ tháng 3/2016.

Ngày 22/7/2016, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 2387/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty Y, để thực hiện việc giải phóng mặt bằng Dự án Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc, tại xã T, huyện B; đồng thời, cùng ngày UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 2388/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất Nông nghiệp của Công ty TNHH Y (đợt 1), theo đó, diện tích đất nông nghiệp của bà Mnhận khoán của Công ty TNHH Y bị thu hồi là 12.628,5m².

Ngày 25/7/2016, Ban đền bù Giải phóng mặt bằng huyện B đã ban hành Thông báo số 50/TB-GPMB về việc thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp cho hộ bà M với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.019.005.490đ, trong đó: Đất nông nghiệp giao khoán trong hạn mức là 1.014.485.291đ, đất nông nghiệp chênh lệch thừa so với diện tích nhận khoán là 4.520.199đ.

Ngày 24/5/2017, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1438 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 50) để thực hiện công trình: Khu công nghiệp Z (Vĩnh Phúc) tại Thôn H, xã T, huyện B, kèm theo Quyết định có Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ bà Mai, theo đó bà M được bồi thường, hỗ trợ tiền tài sản 60.228.684đ, bồi thường hỗ trợ tiền cây cối 2.190.000đ, tổng tiền là 62.478.684đ.

Như vậy, căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nêu trên cho thấy, bà M đã được tuyển dụng là viên chức sự nghiệp giáo dục mầm non, được hưởng lương từ ngân sách nhà nước, sau đó đã làm đơn tự nguyện xin chấm dứt hợp đồng lao động tại Công ty TNHH MTV Nông – Công nghiệp D theo nguyện vọng cá nhân (không thuộc trường hợp thôi việc được hưởng trợ cấp). Tại thời điểm UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư... thì bà M đang là giáo viên mầm non, được hưởng lương từ ngân sách nhà nước, đang hưởng bậc lương 2; hệ số 2,67.

Tại Điều 20 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 15 của Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND

tỉnh Vĩnh Phúc; khoản 5 Điều 1 Quyết định số: 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc, quy định: “Các trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp thì không được hưởng hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm”.

Điều 25 Nghị định 47, quy định: Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi.

Để thực hiện theo chính sách hỗ trợ khác theo quy định tại Điều 25 Nghị định 47; khoản 13 Điều 17 Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 và khoản 5 Điều 1 Quyết định số: 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 06/7/2016, UBND huyện B có văn bản số 661/UBND-GPMB gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, về việc giải quyết vướng mắc trong chính sách bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của Nông trường D cũ nay đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đã nhận khoán diện tích đất nằm trong phạm vi thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc.

Ngày 27/9/2016, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành văn bản số 6754/UBND-NN2 ngày 27/9/2016 về việc hỗ trợ kinh phí cho các hộ đã nghỉ hưu, khi thu hồi diện tích đất nhận khoán của Công ty Vineco để thực hiện dự án khu Công nghiệp Z (đồng ý với chủ trương đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1933/STNMT-CCQLĐĐ ngày 22/9/2016). Tuy nhiên, theo các văn bản trên, UBND tỉnh Vĩnh Phúc chỉ đồng ý hỗ trợ cho đối tượng đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp có nhận khoán đất của Nông trường D (Trường hợp của bà M là thôi việc không được hưởng trợ cấp theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 64/QĐ-CTNCNTĐ ngày 27/3/2012 của Chủ tịch – Giám đốc Công ty TNHH MTV Nông – Công nghiệp D và sự thừa nhận của bà M tại phiên tòa về việc bà M không được hưởng trợ cấp khi nghỉ việc).

Ngày 24/8/2017, UBND huyện B có văn bản số 942/UBND-GPMB, đề nghị UBND tỉnh giải quyết theo đề nghị của bà M được hưởng khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và 03 trường hợp tương tự khi thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc. Tuy nhiên, tại Thông báo số 166/TB-UBND ngày 04/10/2017, thông báo Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc tại cuộc họp nghe các sở, ngành và UBND huyện B báo cáo đề xuất giải quyết vướng mắc trong công tác GPMB Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc, thể hiện nội dung: Căn cứ Điều 6 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; văn bản số 6754/UBND-NN2 ngày

27/9/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc thì hộ bà Nguyễn Thị Tuyết M và 03 trường hợp tương tự không được hưởng khoản hỗ trợ nêu trên.

Như vậy, theo các quy định của pháp luật và văn bản của UBND tỉnh Vĩnh Phúc nêu trên thì bà Nguyễn Thị Tuyết M không thuộc đối tượng được hưởng khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nhận khoán của Nông trường D để thực hiện dự án Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc, cho nên, UBND huyện B trả lời bà M tại mục 2 của Văn bản 1401 ngày 28/11/2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét nội dung bà Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu buộc UBND huyện B cùng Ban đền bù giải phóng mặt bằng huyện B chi trả tiền thưởng bàn giao mặt bằng nhanh số tiền 100.000.000đ, thấy rằng:

Gia đình bà M sử dụng nhà tập thể của Công ty Y cho mượn theo đơn xin sửa nhà ngày 15/4/2007 và Đơn xin xác nhận nhà ở ngày 07/10/2013 có xác nhận của người có thẩm quyền của Công ty Y. Bà M đã được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản 60.228.684đ (là số tiền đã sửa chữa nhà) theo Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ bà Mban hành kèm Quyết định số 1438 ngày 24/5/2017 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 50) để thực hiện công trình: Khu công nghiệp Z (Vĩnh Phúc) tại Thôn H, xã T, huyện B, kèm theo Quyết định; còn đối với giá trị ngôi nhà đã được UBND huyện B chi trả cho Công ty Y.

Ngày 22/11/2016, UBND tỉnh Vĩnh Phúc có Tờ trình số 313/TTr-UBND về việc đề nghị Tỉnh ủy Vĩnh Phúc cho chủ trương hỗ trợ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Z Vĩnh Phúc, trong đó có nội dung: Hỗ trợ kinh phí cho các hộ gia đình có nhà ở chính thực hiện di chuyển nhà ở và tự lo chỗ ở tạm để nhanh chóng bàn giao mặt bằng cho nhà đầu tư. Mức hỗ trợ cho từng hộ theo mốc thời gian di chuyển và bàn giao mặt bằng, cụ thể như sau: Bàn giao mặt bằng trước ngày 28/2/2017, mức hỗ trợ: 135.000.000đ/hộ; bàn giao mặt bằng trước ngày 31/3/2017, mức hỗ trợ: 120.000.000đ/hộ; bàn giao mặt bằng trước ngày 30/4/2017, mức hỗ trợ: 100.000.000đ/hộ; bàn giao mặt bằng sau ngày 30/4/2017: Không hỗ trợ. Tờ trình trên đã được Tỉnh ủy Vĩnh Phúc chấp thuận tại Thông báo số 582/TB/TU ngày 06/12/2016.

Ngày 20/12/2016, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã có Văn bản số 9243/UBND-NN2 thực hiện Thông báo số 582/TB/TU ngày 06/12/2016 của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, trong đó có nội dung “giao UBND huyện B khẩn trương, chủ động thực hiện”.

Theo các văn bản trên thể hiện, đối tượng được hỗ trợ là hộ gia đình bị thu hồi đất nằm trong khuôn viên thu hồi đất 213ha để thực hiện dự án Khu công nghiệp Z có nhà ở chính phải tháo dỡ, di chuyển và phải tự lo chỗ ở tạm. Như

vậy, khi thu hồi đất thì bà M không có nhà ở chính bị thu hồi mà ngôi nhà bà M sử dụng là nhà tập thể của Công ty Y. Tại phiên tòa bà M cũng thừa nhận khi bà chuyển đi thì bà chỉ phải tháo dỡ những tài sản của bà, còn lại bà không phải tháo dỡ nhà và chuyển dọn tài sản là nhà bị tháo dỡ để trả lại mặt bằng cho dự án vì nhà là của Công ty Y. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, bà M cho rằng có 11 hộ gia đình được hưởng hỗ trợ, trong đó có hộ ông R cũng không có đất như nhà bà nhưng ông R đã được bồi thường. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà M thừa nhận và khẳng định ông R không có đất nhưng ông R có làm nhà trên đất của bố mẹ ông R. Do vậy, trường hợp của ông R được hưởng hỗ trợ theo Tờ trình 313 ngày 22/11/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc là có nhà ở chính làm trên đất của bố mẹ, còn đối với hộ bà M không được hưởng do nhà không phải là nhà của bà M mà là nhà tập thể của Công ty Y, bà M đã được hưởng tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản đối với việc sửa chữa nhà, còn giá trị ngôi nhà thì Công ty Y đã được hưởng tiền bồi thường. Vì vậy, tại Văn bản số 1401 ngày 28/11/2017 và văn bản số 897/UBND-GPMB của UBND huyện B đã trả lời cho bà M về việc bà M thuộc đối tượng được hưởng kinh phí bồi thường bàn giao mặt bằng nhanh và kinh phí di chuyển là phù hợp, có căn cứ.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, UBND huyện B ban hành Văn bản số 1401/UBND-GPMB ngày 28/11/2017 để trả lời đơn đề nghị cho bà M là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà M không được chấp nhận nên bà M phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính và Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội .

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M về việc:

- Yêu cầu tuyên bố hành vi của Ủy ban nhân dân huyện B là trái quy định của pháp luật trong việc không chấp thuận khoản tiền hỗ trợ cho đối tượng là công nhân đã thôi việc có nhận khoán đất của công ty chưa được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Hỗ trợ thêm cho gia đình bà M một khoản tiền để đảm bảo đời sống);

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện B cùng Ban đền bù giải phóng mặt bằng (nay là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng) huyện B chi trả cho bà M số tiền: 352.570.000đ (Ba trăm năm mươi hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng), gồm: Tiền thưởng bàn giao mặt bằng nhanh 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); tiền hỗ trợ cho đối tượng là công nhân đã thôi việc có nhận khoán đất của Công ty TNHH Y chưa được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (hỗ trợ thêm cho hộ gia đình một khoản tiền để đảm bảo đời sống 252.570.000đ (Hai trăm năm mươi hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai AA/2017/0004633 ngày 07/5/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà